

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị tại Văn bản số 01/CV-HHCB ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Công ty TNHH Bao bì Huy Hoàng CB về việc đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất bao bì PP - PE;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8223/TTr-SNN&MT ngày 05 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Bao bì Huy Hoàng CB, địa chỉ tại ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất bao bì PP - PE với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì PP - PE
- Địa điểm hoạt động: ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 1201687828 đăng ký lần đầu ngày 19/8/2024, thay đổi lần thứ nhất ngày 23/9/2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Mã số thuế: 1201687828
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất bao bì từ plastic (Mua

bán bao cũ, ó keo PP-PE, dẹt bao).

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi hoạt động: ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp.
- Quy mô: 1.500.000.000 đồng.
- Công suất: 300 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH bao bì Huy Hoàng CB có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: kể từ ngày Giấy phép môi trường này được

ký ban hành đến ngày 19 tháng 6 năm 2035.

Giấy phép môi trường số 3438/GPMT-UBND ngày 19/6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *men*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Mỹ Đức Tây;
- Cty TNHH bao bì Huy Hoàng CB;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên

3

KT. CHỦ TỊCH *moai*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 253 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: khí thải phát sinh từ máy nung chảy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

a) Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả thải: Nhà máy sản xuất bao bì PP-PE, ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X: 524138, Y: 1143858.

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 01 dòng khí thải tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải máy nung chảy (ống khói $\phi 200\text{mm}$, cao 25m) có tổng lưu lượng xả thải tối đa: $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Phương thức xả khí thải: liên tục (khi cơ sở hoạt động).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$, $K_v = 1,2$) và QCVN 20: 2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19: 2009/BTNM T, cột B, K_p $= 1$, $K_v = 1,2$	QCVN 20: 2009/BT NMT	Tần suất quan trắc định kỳ, liên lục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	240	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và liên tục theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	600	-	
3	Nitơ o xit, NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	1.020	-	
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.200	-	
5	Asen và các hợp chất, tính theo As	mg/Nm^3	12	-	

6	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	9	-	
7	Vinylclorua	mg/Nm ³	-	20	
8	Fomaldehyt	mg/Nm ³	-	20	
9	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ máy nung chảy theo hệ thống thu gom dẫn về tháp hấp thụ, tại đây chất ô nhiễm sẽ được hấp thụ bằng nước vôi và than hoạt tính và thải ra môi trường.

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Nguyên lý hoạt động: khí thải phát sinh từ máy nung chảy theo hệ thống thu gom dẫn về tháp hấp thụ, tại đây chất ô nhiễm sẽ được hấp thụ bằng nước vôi và than hoạt tính.

Tại tháp hấp thụ dung dịch hấp thụ (nước vôi) được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống các lớp mâm tiếp xúc (có vật liệu hấp phụ là than hoạt tính), khí thải chứa các chất ô nhiễm, được dẫn từ dưới đi lên quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp quá trình hấp phụ được diễn ra dễ dàng. Khí đi ra khỏi thiết bị hấp phụ tiếp tục được đẩy vào ống khói và thải ra ngoài.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: sử dụng nước vôi (CaO) để hấp thụ.

- Chất hấp phụ xử lý khí thải: than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu: bắt đầu ngay sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

b) Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: ống khói thải φ200mm, cao 25m.

- Vị trí lấy mẫu:

Tọa độ vị trí lấy mẫu (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°): X: 524138, Y: 1143858.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, K _p = 1, K _v = 1,2	QCVN 20: 2009/BTNMT
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240	-
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	600	-
3	Nitơ o xit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.020	-
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.200	-
5	Asen và các hợp chất, tính theo As	mg/Nm ³	12	-
6	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	9	-
7	Vinylclorua	mg/Nm ³	-	20
8	Fomaldehyt	mg/Nm ³	-	20
9	Lưu lượng	m ³ /h	-	-

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 253 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: từ hoạt động sản xuất, phương tiện ra vào cơ sở

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh: Nhà máy sản xuất bao bì PP - PE, ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp.

- Tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3° : X = 1143039, Y = 0523566

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật đối với tiếng ồn, độ rung

a) Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Stt	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung:

Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc vận hành bằng điện nên giảm thiểu tối đa tiếng ồn và độ rung.
- Thường xuyên bảo dưỡng, đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn

định và hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này

Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 253 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	50
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	60
3	Giẻ lau dầu nhớt	Rắn	18 02 01	20
4	Pin, ắc qui thải	Rắn	16 01 12	10
5	Mực in thải	Rắn	08 02 01	5
Tổng				145

b) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	20
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	50
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	60
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	150
5	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên	Bùn	12 06 13	10.000
Tổng				10.280

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở bao gồm: nguyên liệu rơi vãi trong quá trình sản xuất (bao bì, bao PE) lỗi chỉ may,... với khối lượng khoảng 05 tấn/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ cơ sở đều có thể tái chế được nên sẽ được thu gom vào khu vực chứa diện tích khoảng 30 m² (kết cấu: nền bê tông, vách tole, mái che) và tái sử dụng cho sản xuất.

- Bùn thải từ hầm tự hoại: Lượng chất thải này phát sinh rất ít khoảng 0,45m³/06 tháng và không có thành phần nguy hại nên sẽ tự phân hủy trong hầm tự hoại, sẽ thuê đơn vị chức năng hút khi hầm tự hoại đầy hoặc gặp sự cố.

- Bùn thải từ các bể xử lý nước thải khoảng 10.000 kg/năm sẽ được thu gom và định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 15 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 05 thùng chứa loại 60L có nắp đậy, mỗi thùng chứa đều có ghi nhãn, ghi mã số từng loại chất thải nguy hại.

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa: 9 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: tường xây xung quanh, bê tông chống thấm, rãnh gom dầu tràn, biển cấm lửa và có lỗ thông gió, mái lợp tôn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa có nắp đậy, mỗi thùng chứa đều có ghi nhãn, ghi mã số từng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa: 30 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: tường xây xung quanh, bê tông chống thấm, rãnh gom dầu tràn, biển cấm lửa và có lỗ thông gió, mái lợp tôn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải công nghiệp phải kiểm soát đảm bảo quy định tại Điều 33 hoặc Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bao tải PVC các loại.

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích khu vực lưu chứa 30 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: dạng nhà tiền chế với khung thép, kín trần lợp tôn và vách tôn. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng rác nhựa loại 240 lít.

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích khu vực lưu chứa 4 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: dạng nhà tiền chế với khung thép, kín trần lợp tôn và vách tôn.

+ Cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở bao gồm: nguyên liệu rơi vãi trong quá trình sản xuất (bao bì, bao PE) lỗi chỉ may,... với khối lượng khoảng 05 tấn/năm sẽ được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của cơ sở.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **253** /GPMT-UBND ngày **10** tháng 12
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
3. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.
4. Ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường theo quy định.
5. Thực hiện quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật (thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, chuyển giao,...).
6. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, tài nguyên nước,..../.

